

Số: **01/2021/QĐST-KDTM**

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2020/TLST- KDTM ngày 08/10/2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X. Địa chỉ: XY, Quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: D, Phường M, Tp. T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Phú Yên. Do ông Lê Minh P – Giám đốc Chi nhánh (Đại diện theo Quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP X).

*Đại diện theo ủy quyền lại theo Quyết định ủy quyền số 1973/QĐ-BIDV.PY ngày 29/10/2020 của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Phú Yên.

** Bà Võ Nguyên Mỹ L – Chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng cá nhân.

** Ông Ngô Minh T – Chuyên viên phòng Khách hàng cá nhân.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn T, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983. Địa chỉ: 36 Đường H, Phường V, Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP X tổng số nợ phát sinh đến ngày 08/01/2021 là 24.687.702.287 đồng (*Hai bốn tỷ sáu trăm tám bảy triệu bảy*

trăm lẻ hai nghìn hai trăm tám bảy đồng), bao gồm các khoản vay gốc, lãi phát sinh của từng Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2015/3917636/HĐTD ngày 01/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo: Tính đến ngày 08/01/2021 thì số tiền nợ gốc là 6.579.000.000 đồng (*Sáu tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu đồng*); số tiền lãi là 1.582.461.528 đồng (*Một tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn năm trăm hai tám đồng*); Phí trả chậm là 66.439.333 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Tổng cộng số nợ phải trả theo Hợp đồng tín dụng này là 8.227.900.861 đồng (*Tám tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (Ngày 09/01/2021) cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2015/3917636 /HĐTD ngày 01/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này.

- Hợp đồng tín dụng số dài hạn số 01/2016/3917636/HĐTD ngày 02/12/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo: Tính đến ngày 08/01/2021 thì số tiền nợ gốc là 14.535.253.650 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm ba lăm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*); Số tiền lãi 1.848.315.344 đồng (*Một tỷ tám trăm bốn tám triệu ba trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn bốn đồng*); Phí trả chậm 76.232.432 đồng (*Bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm ba hai đồng*). Tổng cộng số nợ phải trả theo Hợp đồng tín dụng này là 16.459.801.426 đồng (*Mười sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu tám trăm lẻ một nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 09/01/2021) cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2016/3917636/HĐTD ngày 02/12/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này.

Thời hạn trả nợ là hết ngày 08/02/2021. Trường hợp khi đến thời hạn thanh toán đã thỏa thuận giữa các bên, bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa xử lý các tài sản thế chấp, gồm:

- Tàu cá, vật liệu vỏ gỗ, số đăng ký PY-98389-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 219/2015 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Phú Yên cấp ngày 17/11/2015 cho ông Võ Văn T và các tài sản thế chấp khác kèm theo căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/3917636/HĐBĐ lập ngày 02/12/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp có liên

quan. (Thế chấp cho khoản vay 7.799.000.000 đồng). Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1198999288 ngày 07/12/2015 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận.

- Tàu cá, vật liệu vỏ Composite, số đăng ký PY-99555-TS, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 114/2017 do Chi cục thủy sản tỉnh Phú Yên cấp ngày 30/6/2017 cho ông Võ Văn T và các tài sản thế chấp khác kèm theo căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3917636/HĐBĐ lập ngày 01/9/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp có liên quan (Thế chấp cho khoản vay 15.450.000.000 đồng). Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1261013112 ngày 05/9/2017 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận.

Bị đơn cam kết sẽ giao nộp đầy đủ các tài sản thế chấp khi Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu để tiến hành thủ tục xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp, bị đơn không bàn giao hoặc bàn giao không đầy đủ các tài sản thế chấp thì phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Tòa nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn T, Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm nộp số tiền 66.343.851 đồng (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm bốn ba nghìn tám trăm năm một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP X số tiền 66.029.550 đồng (*Sáu mươi sáu triệu không trăm hai chín nghìn năm trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001738 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP TH;
- Chi cục THADS Tp. TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Uyên